

Số: 1272/TB-ĐHYKV-QLKH  
V/v Đặt hàng và đăng ký nhiệm vụ KH&CN  
cấp cơ sở năm học 2023-2024

Nghệ An, ngày 16 tháng 8 năm 2023

**Kính gửi: Các khoa, phòng, đơn vị trong toàn trường**

Căn cứ kế hoạch và nhiệm vụ năm học 2023-2024 của Trường Đại học Y khoa Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHYKV ngày 26/12/2023 về việc ban hành chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHYK Vinh;

Trường ĐHYK Vinh thông báo tới các khoa, phòng, ban, trung tâm, bệnh viện (sau đây gọi tắt là: đơn vị) và cá nhân về việc đặt hàng và đăng ký nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở năm học 2023-2024, với các nội dung cụ thể sau:

**I. Nội dung 1: Đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ**

**1.1. Định hướng ưu tiên nội dung đề xuất nhiệm vụ KH&CN**

*Lĩnh vực Y học hiện đại*

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển một số kỹ thuật cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế, khám chữa bệnh, phục vụ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

*Lĩnh vực Y học cổ truyền*

- Nghiên cứu ứng dụng các bài thuốc dân gian, cổ truyền phục vụ khám chữa bệnh trong nhân dân;

- Nghiên cứu ứng dụng các bài thuốc dân gian kết hợp tây y hiện đại phục vụ khám chữa bệnh trong nhân dân.

*Lĩnh vực Dược - Sinh học*

- Nghiên cứu, tiếp thu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao, công nghệ tự động hóa trong sản xuất các loại dược mỹ phẩm, thực phẩm chức năng mang thương hiệu Nghệ An từ các loại cây thuốc có ở Nghệ An và các vùng lân cận có giá trị ứng dụng tại địa bàn tỉnh, phục vụ cho công tác đào tạo của nhà trường.

- Tập trung nghiên cứu sử dụng các vật liệu mới có tính năng kỹ thuật cao trong sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, y tế; Ứng dụng công nghệ

tổng hợp và tự động hóa trong trồng trọt, bảo tồn, phát triển cây dược liệu.

#### *Lĩnh vực khoa học giáo dục*

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập trong nhà trường.

- Lĩnh vực công nghệ thông tin: Phát triển các phần mềm ứng dụng, dịch vụ công, chính quyền điện tử có tính ứng dụng cao phục vụ công tác quản lý đào tạo và giảng dạy tại nhà trường.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, mô hình chuyển đổi số trong trường học đảm bảo thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

### **1.2. Quy trình và thời gian thực hiện đề tài đặt hàng**

#### **Bước 1.**

Các đơn vị căn cứ kế hoạch nhiệm vụ năm học và tính chất công tác chuyên môn được giao nhằm đề xuất lĩnh vực/vấn đề cần tiếp cận nghiên cứu (*Mẫu A.1*) để Hội đồng Khoa học nhà trường xây dựng danh mục ưu tiên đặt hàng nhiệm vụ khoa học cho năm học 2023-2024 nhằm nâng cao chất lượng dạy/học, khám chữa bệnh và công tác tổ chức quản lý trong nhà trường. Thời gian nhận đề xuất từ các đơn vị: *đến hết ngày 05/09/2023.*

#### **Bước 2.**

Căn cứ các đề xuất về các lĩnh vực (vấn đề) cần tiếp cận nghiên cứu từ các đơn vị, Hội đồng Khoa học nhà trường sẽ tiến hành họp lựa chọn và công bố vấn đề ưu tiên đặt hàng với các đơn vị, cá nhân để triển khai nghiên cứu trong năm học 2023-2024. Dự kiến thời gian họp Hội đồng khoa học nhà trường: *Từ ngày 10/09 đến 15/09/2023.*

**Bước 3.** Các đơn vị, cá nhân căn cứ danh mục đặt hàng đã được nhà trường phê duyệt để xây dựng thuyết minh đề tài (*Mẫu B1-2a-TMĐTCN đối với đề tài lĩnh vực công nghệ, hoặc Mẫu B1-2b-TMĐTXH đối với đề tài thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn*) và nộp về phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế. Thời gian Phòng QLKH&HTQT nhận hồ sơ thuyết minh đề tài: *Từ ngày 20/09 đến hết ngày 20/10/2023.*





## II. Nội dung 2: Đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo Quy định chế độ làm việc giảng viên

Các cá nhân có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo Quy định chế độ làm việc giảng viên (Ban hành kèm theo Quyết định 1386/QĐ-ĐHYKV ngày 26/12/2023) thực hiện đăng ký theo quy trình sau:

**Bước 1:** Cá nhân/nhóm nghiên cứu đề xuất đề tài phù hợp lĩnh vực chuyên môn.

**Bước 2:** Cá nhân/nhóm nghiên cứu tập hợp theo đơn vị Khoa/phòng /Ban/Trung tâm/Bệnh viện gửi Phiếu đề xuất và Bảng tổng hợp về phòng QLKH&HTQT trước ngày 05/09/2023 (File mềm gửi về email: [nckh@vnu.edu.vn](mailto:nckh@vnu.edu.vn)).

Hồ sơ đề xuất bao gồm:

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm học 2023-2024 (Mẫu A.2).
- Bản tổng hợp đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm học 2023-2024 (Mẫu A.3).

**Bước 3:** Căn cứ theo nội dung đề xuất đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở của các đơn vị, Hội đồng khoa học nhà trường thẩm định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm học 2023-2024. Dự kiến thời gian họp Hội đồng khoa học nhà trường: Từ ngày 10/09 đến 15/09/2023.

**Bước 4.** Cá nhân/nhóm nghiên cứu căn cứ Danh mục nhiệm vụ được phê duyệt tiến hành viết thuyết minh đề tài (Mẫu B1-2a-TMĐTCN đối với đề tài lĩnh vực công nghệ, hoặc Mẫu B1-2b-TMĐTXH đối với đề tài thuộc lĩnh vực xã hội và nhân văn) gửi về phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế. Số lượng mỗi thuyết minh đề tài 05 cuốn. Thời gian nhận hồ sơ thuyết minh đề tài: Từ ngày 15/09 đến hết ngày 10/10/2023.

Kính đề nghị các đơn vị/cá nhân trong toàn trường phối hợp thực hiện.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLKH&HTQT



PGS.TS. Cao Trường Sinh

Nghệ An, ngày      tháng      năm 2023

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ NĂM HỌC 2023-2024**

**1. Tên đề tài:**

.....  
.....  
.....

**2. Giải trình về tính cấp thiết** (*tại sao phải nghiên cứu giải quyết vấn đề này, tầm quan trọng, cấp bách - tác động to lớn, ảnh hưởng của đề tài*).

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Mục tiêu của đề tài**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**4. Phương pháp thực hiện đề tài**

.....  
.....  
.....  
.....

**5. Nội dung thực hiện của đề tài**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**6. Dự kiến sản phẩm và triển vọng phát triển của đề tài**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**7. Khả năng và địa chỉ áp dụng**

.....

.....

.....

.....

.....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI**

Nghệ An, ngày      tháng      năm 2023

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**  
**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ NĂM HỌC 2023-2024**

**1. Tên đề tài:**

.....  
.....  
.....

**2. Giải trình về tính cấp thiết** (*tại sao phải nghiên cứu giải quyết vấn đề này, tầm quan trọng, cấp bách - tác động to lớn, ảnh hưởng của đề tài*).

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Mục tiêu của đề tài**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**4. Phương pháp thực hiện đề tài**

.....  
.....  
.....  
.....

**5. Nội dung thực hiện của đề tài**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**6. Dự kiến sản phẩm và triển vọng phát triển của đề tài**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**7. Khả năng và địa chỉ áp dụng**

.....

.....

.....

.....

.....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI**

**THUYẾT MINH  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG  
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

<b>1</b>	<b>Tên đề tài</b>	<b>1a</b>	<b>Mã số</b> (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)
<b>2</b>	<b>Thời gian thực hiện:</b> ..... tháng (Từ tháng     /20.. đến tháng     /20...)	<b>3</b>	<b>Cấp quản lý</b> Cơ sở <input type="checkbox"/>
<b>4</b>	<b>Tổng kinh phí thực hiện:</b> ..... triệu đồng, trong đó:		
	<b>Nguồn</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	
	- Từ Ngân sách nhà trường		
	- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà trường		
<b>5</b>	<b>Đề nghị phương thức khoán chi:</b>		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/>	Khoán từng phần, trong đó:
			- Kinh phí khoán: .....triệu đồng
			- Kinh phí không khoán: .....triệu đồng
<b>6</b>	<input type="checkbox"/> <b>Thuộc Chương trình</b> (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), <b>Mã số:</b> <input type="checkbox"/> <b>Thuộc dự án KH&amp;CN</b> <input type="checkbox"/> <b>Độc lập</b> <input type="checkbox"/> <b>Khác</b>		
<b>7</b>	<b>Lĩnh vực khoa học</b>		
	<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/>	Nông nghiệp;
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/>	Y, dược.
<b>8</b>	<b>Chủ nhiệm đề tài</b>		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> / Nữ <input type="checkbox"/>		
	Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....		



Chức danh khoa học: .....Chức vụ.....

Điện thoại:

Tổ chức: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

.....

**9 Thư ký khoa học của đề tài**

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....

Điện thoại: .....

Tổ chức: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác: .....

Địa chỉ tổ chức: .....

.....

**10 Tổ chức chủ trì đề tài**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....

**11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)**

1. **Tổ chức 1** : .....

Tên cơ quan chủ quản .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Địa chỉ: .....  
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....

**2. Tổ chức 2 :** .....  
 Tên cơ quan chủ quản .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....

**12 Cán bộ thực hiện đề tài**

*(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài <sup>2</sup>	Tổ chức công tác
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			
....			
....			

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**13 Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)**

<sup>2</sup> Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
<b>14</b>	<p><b>Tình trạng đề tài</b></p> <p><input type="checkbox"/> Mới                      <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả</p> <p><input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác</p>
<b>15</b>	<p><b>Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài</b></p> <p><b>15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài</b></p> <p><b>Ngoài nước</b> (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&amp;CN của những kết quả nghiên cứu đó)</p> <p><b>Trong nước</b> (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&amp;CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)</p> <p><b>15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài</b></p> <p>(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&amp;CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)</p>
<b>16</b>	<p><b>Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan</b></p> <p>(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)</p>

	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<b>17</b>	<p><b>Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện</b></p> <p><i>(Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)</i></p> <p><b>Nội dung 1 :</b> .....</p> <p>Công việc 1: .....</p> <p>Công việc 2: .....</p> <p>.....</p> <p><b>Nội dung 2:</b> .....</p> <p>Công việc 1: .....</p> <p>Công việc 2: .....</p> <p>.....</p> <p><b>Nội dung 3 :</b> .....</p> <p>Công việc 1: .....</p> <p>Công việc 2: .....</p> <p>.....</p>
<b>18</b>	<p><b>Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</b></p> <p><i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính sáng tạo của đề tài)</i></p> <p><b>Cách tiếp cận:</b></p> <p>.....</p> <p><b>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:</b></p> <p>.....</p> <p><b>Tính mới, tính sáng tạo:</b></p> <p>.....</p>
<b>19</b>	<p><b>Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước</b></p>

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

**20** **Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài )

**21** **Phương án thuê chuyên gia (nếu có)**

**1. Thuê chuyên gia trong nước**

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

**2. Thuê chuyên gia nước ngoài**

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

**22** **Tiến độ thực hiện**

Các nội dung, công việc	Kết quả	Thời gian	Cá nhân,	Dự kiến
-------------------------	---------	-----------	----------	---------

	<b>chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu</b>	<b>phải đạt</b>	(bắt đầu, kết thúc)	<b>tổ chức chủ trì*</b>	<b>kinh phí</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
...	<b>Nội dung n</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				

\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 21

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

<b>23</b>	<b>Sản phẩm KH&amp;CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt</b> (Liệt kê theo dạng sản phẩm)					
<b>Dạng I:</b> Mẫu ( <i>model, maket</i> ); Sản phẩm ( <i>là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường</i> ); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)



**23.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)

**Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

**23.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có** (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

**23.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học**

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

**23.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**

.....

.....

.....

.....

**24 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu**

**24.1 Khả năng về thị trường** (*Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?*)

.....

.....

.....

**24.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** (*Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm*)

.....

.....

.....

**24.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm**

.....

.....

.....

**24.4 Mô tả phương thức chuyển giao**

(*Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)*

.....

.....

.....

**25 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài**

.....

.....

**26 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

**26.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan**

*(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*

.....

**26.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**

.....

**26.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

*(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*

.....

**27 Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài (theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)**

**27.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

**27.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** (hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....

.....

**V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

28	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
Trả công lao động trực tiếp+ chuyên gia (nếu có)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b> <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước: a. Kinh phí khoán chi: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: b. Kinh phí không khoán chi: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài***(Họ tên và chữ ký)*

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề tài***(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)*

## Phụ lục

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị:  
triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	<b>Trả công lao động</b>														
2	<b>Thuê chuyên gia</b> - Trong nước - Nước ngoài														
2	<b>Nguyên,vật liệu, năng lượng</b>														
3	<b>Thiết bị, máy móc</b>														
4	<b>Xây dựng, sửa chữa nhỏ</b>														
5	<b>Chi khác</b>														
	<b>Tổng cộng</b>														

(\*) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn,...

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

#### TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học				
3	Thành viên				
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
<b>Cộng:</b>					



## DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung công việc <sup>1</sup>	Chức danh nghiên cứu <sup>2</sup>	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) <sup>3</sup>	Số ngày công quy đổi (Snc) <sup>4</sup>	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
	Nội dung công việc						Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=5x6xLcs<sup>5</sup></i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
<b>1</b>	<b>Nghiên cứu tổng quan</b>											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	.....											
<b>2</b>	<b>Đánh giá thực trạng</b>											
	2.1. Công việc 1:											
	.....											
	.....											
<b>7</b>	<b>Tổng kết, đánh giá</b>											
	7.1. Công việc 1:											
	.....											
<b>Cộng:</b>												

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với mục 17 của thuyết minh.

2. Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 12 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại mục 22 của thuyết minh.

3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao động đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

**Khoản 1b. Thuê chuyên gia** (dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
<b>I</b>	<b>Chuyên gia trong nước</b>								
1		/							
.....		/							
.....		/							
<b>II</b>	<b>Chuyên gia nước ngoài</b>								
1									
.....									
.....									

## Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn												
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>I</b>	<b>Nội dung 1</b>																	
<b>I.1</b>	<b>Công việc 1</b>																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
1.2	...																	
...	...																	
2	Năng lượng, nhiên liệu																	
2.1	Than																	
2.2	Điện	kW/h																
2.3	Xăng, dầu																	
2.4	Nhiên liệu khác																	
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																	

3.1	...																
3.2	...																
...	...																
4	Nước	m <sup>3</sup>															
<b>I.2</b>	<b>Công việc 2</b>																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m <sup>3</sup>															
<b>II</b>	<b>Nội dung 2</b>																
<b>II.1</b>	<b>Công việc 1</b>																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m <sup>3</sup>															
...	...																
<b>Cộng</b>																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.

- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>I</b>	<b>Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài<sup>5</sup></b>												
	.....												
	.....												
<b>II</b>	<b>Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến</b>												
	.....												
<b>III</b>	<b>Khấu hao thiết bị<sup>6</sup></b>												
<b>VI</b>	<b>Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)</b>												
	.....												
<b>IV</b>	<b>Thiết bị công nghệ mua mới</b>												
	.....												
<b>V</b>	<b>Vận chuyển lắp đặt</b>												
<b>VI</b>	<b>Bảo dưỡng, sửa chữa</b>												

<sup>5</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

<sup>6</sup> Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

<b>Cộng</b>									
-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước										
4	Chi phí khác										
	<b>Cộng:</b>										



**Khoản 5. Chi khác** (Định mức chi theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn													
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước					
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba		
		Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
<b>1</b>	<b>Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu</b> (định mức chi theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)														
<b>2</b>	<b>Hợp tác quốc tế</b> (định mức chi theo quy định hiện hành)														
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)														
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)														
<b>3</b>	<b>Kinh phí quản lý</b> (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 200 triệu đồng)														
<b>4</b>	<b>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ</b>														

	Chi phí kiểm tra nội bộ (định mức chi theo quy định hiện hành)												
	Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); (mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu KH&CN cấp Quốc gia)												
<b>5</b>	<b>Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu</b>												
<b>6</b>	<b>Chi khác</b>												
	- Hội thảo (định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (định mức chi theo quy định hiện hành)												
	Khác												
	<b>Cộng:</b>												

**THUYẾT MINH<sup>1</sup>**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP CƠ SỞ**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

<b>1</b>	<b>Tên đề tài:</b>	<b>1a. Mã số của đề tài:</b> (được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)
<b>2</b>	<b>Loại đề tài:</b> <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số: <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác	
<b>3</b>	<b>Thời gian thực hiện:</b> .....tháng (từ tháng /năm 20... đến tháng /năm 20...)	<b>4</b> <b>Cấp quản lý</b> Cơ sở <input type="checkbox"/>
<b>5</b>	<b>Kinh phí thực hiện:</b> Tổng kinh phí: ..... (triệu đồng), trong đó: - Từ ngân sách nhà trường: ... - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà trường: ...	
<b>6</b>	<b>Đề nghị phương thức khoán chi:</b> <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán: ..... triệu đồng - Kinh phí không khoán: ..... triệu đồng
<b>7</b>	<b>Chủ nhiệm đề tài:</b> Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị:..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ:..... Điện thoại của tổ chức: ..... Mobile:..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:.....	

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

**8 Thư ký khoa học:**

Họ và tên:.....  
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....  
Học hàm, học vị: .....  
Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....  
Điện thoại của tổ chức: ..... Mobile: .....  
Fax: ..... E-mail: .....  
Tên tổ chức đang công tác: .....  
Địa chỉ tổ chức: .....

**9 Tổ chức chủ trì đề tài:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
E-mail: .....  
Website: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
Số tài khoản: .....  
Ngân hàng: .....  
Cơ quan chủ quản đề tài: .....

**10 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)**

1. **Tổ chức 1** : .....  
Cơ quan chủ quản .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
Số tài khoản: .....  
Ngân hàng: .....  
2. **Tổ chức 2** : .....  
Cơ quan chủ quản .....  
Điện thoại: ..... Fax: .....  
Địa chỉ: .....  
Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
Số tài khoản: .....  
Ngân hàng: .....

<b>11</b>	<b>Cán bộ thực hiện đề tài</b>		
<i>(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>			
<b>TT</b>	<b>Họ và tên, học hàm học vị</b>	<b>Chức danh thực hiện đề tài<sup>2</sup></b>	<b>Tổ chức công tác</b>
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

<b>12</b>	<b>Mục tiêu của đề tài:</b> <i>(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
..... ..... ..... ..... ..... .....	
<b>13</b>	<b>Tình trạng đề tài:</b> <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
<b>14</b>	<b>Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:</b> <b>14.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài</b> <i>(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)</i>

<sup>2</sup> Theo quy định tại bảng 1 Khoản b Mục 1 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

**14.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

*(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)*

**15** **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:**

*(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)*

**16** **Nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)*

**Nội dung 1 :** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**Nội dung 2:** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**Nội dung 3 :** .....

Công việc 1: .....

Công việc 2: .....

.....

**17** **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:**

*(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)*

- Suu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)



- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
- .....

**18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

**Cách tiếp cận:**

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

.....  
 .....

**19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

*[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]*

**20 Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)**

*(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*

<b>21</b>	<b>Phương án thuê chuyên gia (nếu có)</b>					
<b>1. Thuê chuyên gia trong nước</b>						
Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	
1						
2						
....						
<b>2. Thuê chuyên gia nước ngoài</b>						
Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						
<b>22</b>	<b>Tiến độ thực hiện:</b>					
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí	
<b>1</b>	<b>Nội dung 1</b>					
	- Công việc 1					
	.....					
	- Công việc n					
<b>2</b>	<b>Nội dung 2</b>					
	- Công việc 1					
	.....					
	- Công việc n					
<b>n</b>	<b>Nội dung n</b>					
	- Công việc 1					
	.....					
	- Công việc n					

\* Chỉ ghi những tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 7, 8, 9, 10, 11, 21.

### III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

<b>23</b>	<b>Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:</b> <i>(liệt kê theo dạng sản phẩm)</i>			
<b>23.1 Dạng I:</b> Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.				
TT	Tên sản phẩm <i>(ghi rõ tên từng sản phẩm)</i>	Yêu cầu khoa học cần đạt		Ghi chú
<b>23.2 Dạng II:</b> Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác				
TT	Tên sản phẩm <i>(ghi rõ tên từng sản phẩm)</i>	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố <i>(Tạp chí, Nhà xuất bản)</i>	Ghi chú
<b>24</b>	<b>Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:</b>			
<b>24.1 Lợi ích của đề tài:</b>				
<p>a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
<p>b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				
<b>24.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:</b>				
<p>(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>				

.....  
.....  
.....

25

**Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** (theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)

**25.1. Phương án trang bị tài sản** (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

- a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)
- b. Điều chuyển thiết bị máy móc
- c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

- d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

**25.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** (hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)

.....  
.....



**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

26	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
Trả công lao động trực tiếp + chuyên gia (nếu có)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách nhà nước:						
	a. Kinh phí khoán chi:						
	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
	- Năm thứ ba:						
	b. Kinh phí không khoán chi:						
	- Năm thứ nhất:						
	- Năm thứ hai:						
	- Năm thứ ba:						
2	Nguồn ngoài ngân sách nhà nước						

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài***(Họ tên và chữ ký)*

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì đề tài***(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)*

Phụ lục

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn												
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4=(6+8+10)	5=(7+9+11)	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	<b>Trả công lao động</b>														
2	<b>Thuê chuyên gia</b> - Trong nước - Nước ngoài														
2	<b>Nguyên,vật liệu, năng lượng</b>														
3	<b>Thiết bị, máy móc</b>														
4	<b>Xây dựng, sửa chữa nhỏ</b>														
5	<b>Chi khác</b>														
	<b>Tổng cộng</b>														

(\* ) Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, ...

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

### Khoản 1a. Công lao động trực tiếp

#### TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Tổng kinh phí (triệu đồng)	
				Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm đề tài				
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học				
3	Thành viên				
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ				
<b>Cộng:</b>					



## DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung công việc <sup>1</sup>	Chức danh nghiên cứu <sup>2</sup>	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) <sup>3</sup>	Số ngày công quy đổi (Snc) <sup>4</sup>	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
	Nội dung công việc						Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=5x6xLcs<sup>5</sup></i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
<b>1</b>	<b>Nghiên cứu tổng quan</b>											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	.....											
<b>2</b>	<b>Đánh giá thực trạng</b>											
	2.1. Công việc 1:											
	.....											
	.....											
<b>7</b>	<b>Tổng kết, đánh giá</b>											
	7.1. Công việc 1:											
	.....											
<b>Cộng:</b>												

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với nội dung nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
2. Thành viên thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 10 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 21 của thuyết minh*.
3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao động đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên

tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

**Khoản 1b. Thuê chuyên gia** (dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 21 của thuyết minh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
<b>I</b>	<b>Chuyên gia trong nước</b>								
1		/							
.....		/							
.....		/							
<b>II</b>	<b>Chuyên gia nước ngoài</b>								
1									
.....									
.....									

## Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn												
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước				
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
						Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
<b>I</b>	<b>Nội dung 1</b>																	
<b>I.1</b>	<b>Công việc 1</b>																	
1	Nguyên, vật liệu																	
1.1	...																	
1.2	...																	
...	...																	
2	Năng lượng, nhiên liệu																	
2.1	Than																	
2.2	Điện	kW/h																
2.3	Xăng, dầu																	
2.4	Nhiên liệu khác																	
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền																	

	mau hồng																
3.1	...																
3.2	...																
...	...																
4	Nước	m <sup>3</sup>															
<b>I.2</b>	<b>Công việc 2</b>																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m <sup>3</sup>															
<b>II</b>	<b>Nội dung 2</b>																
<b>II.1</b>	<b>Công việc 1</b>																
1	Nguyên, vật liệu																
1.1	...																
...	...																
4	Nước	m <sup>3</sup>															
...	...																
<b>Cộng</b>																	

1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:

- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do ... ban hành tại các văn bản ... và báo giá kèm theo.
- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại Mục g Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trừ mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
					Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
					Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>I</b>	<b>Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện đề tài<sup>1</sup></b>												
	.....												
	.....												
<b>II</b>	<b>Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến</b>												
	.....												
<b>III</b>	<b>Khấu hao thiết bị<sup>2</sup></b>												
<b>VI</b>	<b>Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)</b>												
	.....												
<b>IV</b>	<b>Thiết bị công nghệ mua mới</b>												
	.....												
<b>V</b>	<b>Vận chuyển lắp đặt</b>												
<b>VI</b>	<b>Bảo dưỡng, sửa chữa</b>												

<sup>1</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí.

<sup>2</sup> Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

<b>Cộng</b>									
-------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn								
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước				
			Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN										
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước										
4	Chi phí khác										
	<b>Cộng:</b>										

**Khoản 5. Chi khác** (Định mức chi theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoán chi theo quy định				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10				
1	<b>Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu</b> (định mức chi theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)												
2	<b>Hợp tác quốc tế</b> (định mức chi theo quy định hiện hành)												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	<b>Kinh phí quản lý</b> (bằng 5% tổng kinh phí thực hiện đề tài, tối đa không quá 200 triệu đồng)												



<b>4</b>	<b>Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ</b>												
	Chi phí kiểm tra nội bộ (định mức chi theo quy định hiện hành)												
	Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả đề tài (nếu có); (mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu KH&CN cấp Quốc gia)												
<b>5</b>	<b>Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu</b>												
<b>6</b>	<b>Chi khác</b>												
	- Hội thảo (định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (định mức chi theo quy định hiện hành)												
	Khác												
	<b>Cộng:</b>												